

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 83/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cụ thể tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-HĐND ngày 24 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông quy định tại Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; bồi dưỡng năng lực triển khai chương trình, sách giáo khoa mới cho nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (quy định tại Mục III.2.a Điều 1 Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ

sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi chung là tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục) theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 83/2021/TT-BTC Hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông.

b) Nghị quyết này không điều chỉnh đối với việc tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về sách giáo khoa do các nhà xuất bản thực hiện.

c) Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 83/2021/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ sở giáo dục, giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (sau đây gọi tắt là học viên).

c) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức chi tập huấn, bồi dưỡng

1. Chi tạo lập mới hoặc thuê hệ thống quản lý học tập trực tuyến: Thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin để tổ chức thực hiện.

2. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị có liên quan; chi đi công tác để kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng, đánh giá kết quả tập huấn, bồi dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND Quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chi số hóa tài liệu phục vụ tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến:

a) Các khoản tiền công: Xây dựng kịch bản dạy học (chuỗi các hoạt động dạy học) của bài học; xây dựng nội dung chi tiết của bài học (từng hoạt động) theo kịch bản dạy học (Sản phẩm bao gồm nội dung các hoạt động dạng text và các chỉ dẫn/cài đặt để sử dụng các tư liệu trong từng hoạt động, chưa bao gồm các tài liệu đa phương tiện (multimedia) như hình ảnh, âm thanh, phương tiện điện tử ghi, sao chép (video), đồ họa (infographics)...); chuyên gia/giáo viên ghi hình (Nghiên cứu kịch bản và nội dung tiết học; phối hợp với kỹ thuật viên video để chuẩn bị; phối hợp ghi hình); xây dựng bản yêu cầu/hướng dẫn biên tập video

(hậu kỳ, thời lượng video tối đa 90 phút); thống kê và xử lý cơ bản dữ liệu kết quả của khóa tập huấn, bồi dưỡng (danh sách điểm, phân nhóm đối tượng, phổ điểm, tỷ lệ - tối thiểu cho 250 học viên): Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV Quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu. Căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò, nhiệm vụ, yêu cầu về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng; Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định mức tiền công cụ thể cho từng thành viên thực hiện các nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng ở địa phương.

b) Chi phí quay video bài giảng (thời lượng tối đa của video không quá 90 phút; giá bao gồm công kỹ thuật viên và thiết bị; chưa bao gồm phí di chuyển, lưu trú, ăn uống của kỹ thuật viên (01-02 người)): Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình.

c) Chi biên tập video (cắt/ghép video theo yêu cầu của chuyên gia; chuyển đổi định dạng, độ phân giải, làm việc theo chỉ đạo của chuyên gia): Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL.

4. Chi tiền công cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

5. Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

6. Chi tiền công cho nhân viên giám sát, vận hành hệ thống học tập trực tuyến: Áp dụng bằng mức trợ giảng trong nước quy định tại Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND.

7. Chi thuê phiên dịch, biên dịch: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

8. Chi nước uống phục vụ lớp học: Áp dụng mức chi cho giải khát giữa giờ phục vụ lớp học tại Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND.

9. Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế:

a) Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

b) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Hỗ trợ tối đa 50% mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND và trong phạm vi dự toán của cấp có thẩm quyền giao.

10. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: Căn cứ khả năng nguồn kinh phí, căn cứ số lượng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc của từng lớp tập huấn, bồi dưỡng, cơ sở tổ chức tập huấn, bồi dưỡng được quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc theo mức tối đa không quá 200.000 đồng/học viên.

11. Chi tài liệu học tập bắt buộc (mua, in ấn giáo trình, tài liệu) theo nội dung chương trình khóa tập huấn, bồi dưỡng cho học viên tham dự (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên; chi in và cấp chứng chỉ; chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND.

12. Mức chi trong trường hợp các cơ quan, đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nhưng không có cơ sở vật chất để tập huấn, bồi dưỡng hoặc mở lớp để tập huấn, bồi dưỡng nhưng không có điều kiện tự tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng phải gửi học viên đi tập huấn, bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác thì cơ quan, đơn vị thanh toán cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng những nội dung chi sau (chi phí cho tất cả các học viên tham dự tập huấn, bồi dưỡng, không phân biệt học viên thuộc cơ sở giáo dục công lập hay ngoài công lập):

a) Chi phí tập huấn, bồi dưỡng theo hợp đồng dịch vụ do cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao kinh phí tập huấn, bồi dưỡng ký kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: Chi phí thực tế theo hợp đồng dịch vụ với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

b) Hỗ trợ tiền mua sách giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc cho học viên và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: Chi phí thực tế, hóa đơn thu tiền của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

13. Mức chi hỗ trợ trong trường hợp Sở Giáo dục và Đào tạo cử giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cốt cán của tỉnh đi tập huấn, bồi dưỡng tại các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện; các cơ sở giáo dục công lập cử giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đi tập huấn, bồi dưỡng

Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên (giáo viên, cán bộ quản lý) trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng tập trung; chi hỗ trợ chi phí cho học viên (giáo viên, cán bộ quản lý) đi lại từ cơ quan đến nơi tập huấn, bồi dưỡng (một lượt đi và về); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng tập trung tại cơ sở tập huấn, bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở tập huấn, bồi dưỡng và đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ):

Căn cứ địa điểm tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng và khả năng ngân sách, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ) và nguồn kinh phí hợp

pháp khác để hỗ trợ cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được cử đi tập huấn, bồi dưỡng các khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.
2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các cơ sở giáo dục công lập.
3. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật của các cơ sở giáo dục; đóng góp của học viên.
4. Nguồn tài chính hợp pháp của các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.
2. Nghị quyết này bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:
 - a) Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
 - b) Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
3. Bãi bỏ danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 28 Mục II Phụ lục III và số thứ tự 29 Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

5. Đối với dự toán chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân